BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

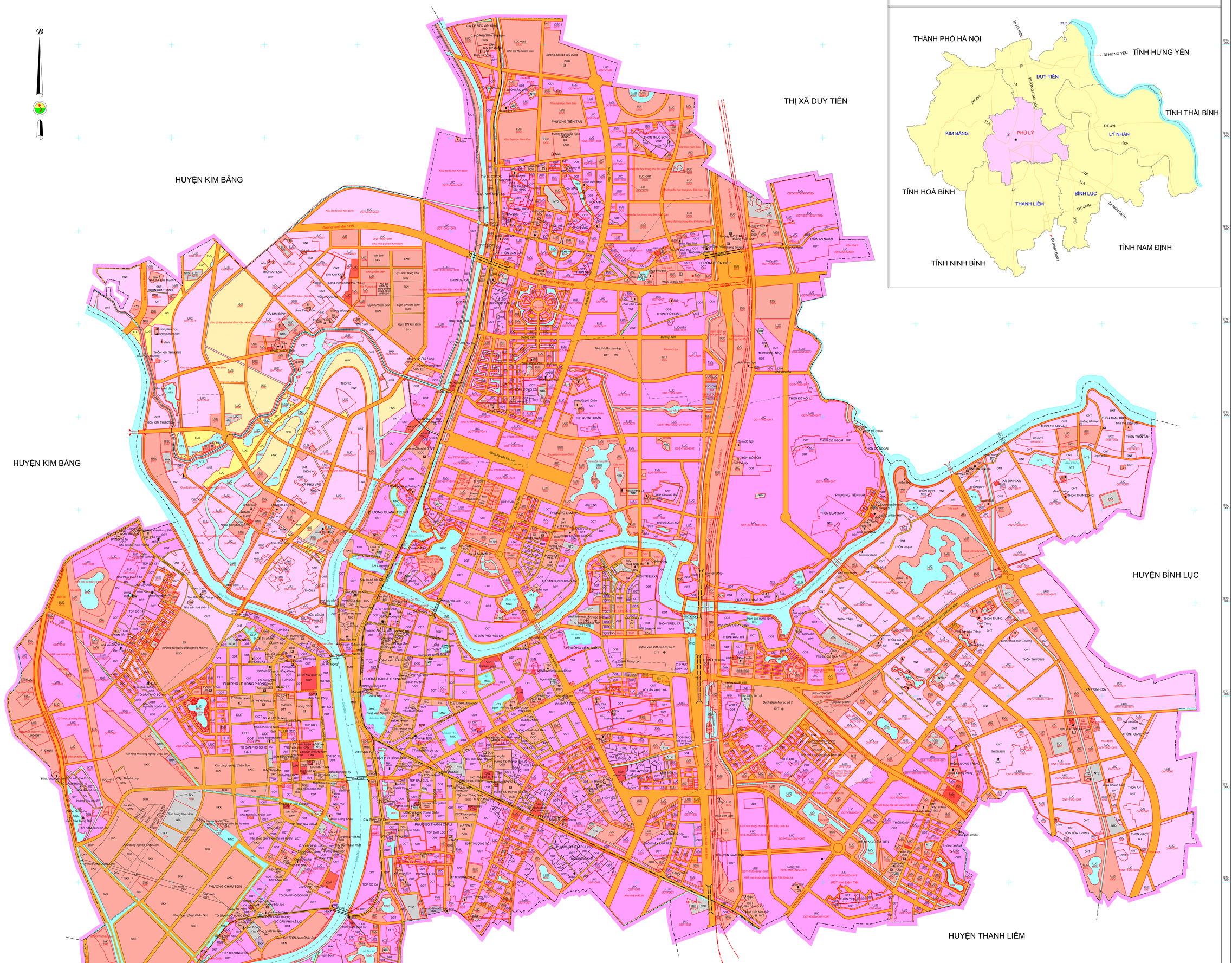

CHÚ DẪN

GIẢI THÍCH KÝ HIỆU	KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP THÔN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất trồng lúa	LUA	mã HT LUA	mã HT LUA
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã HT LUC	mã HT LUC
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	mã HT HNK	mã HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN	mã HT CLN
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	mã HT NTS	mã HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH		mã HT NKH
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP	
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN	
Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT SKK	
Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT SKN	
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT TMD	mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC	mã HT SKC
Đất phát triển hạ tầng	DHT	mã HT DHT	mã HT DHT
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	mã HT DDT	
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	mã HT DDL	mã HT DDL
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA	mã HT DRA

GIẢI THÍCH KÝ HIỆU	KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP THÔN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT	mã HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT	
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC	mã HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã HT DTS	mã HT DTS
Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã HT TON	
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	mã HT NTD	mã HT NTD
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		mã HT SKX
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		mã HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		mã HT DKV
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		mã HT TIN
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		mã HT SON
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		mã HT MNC
Đất phi nông nghiệp khác	PNK		mã HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	CSD	
Ranh giới đất đô thị			
Ranh giới khu công nghiệp, cụm CN			
Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất Năm = Năm kế hoạch DT - Diện tích thực hiện năm kế hoạch	mã HT	mã HT DHT Năm: Năm kế hoạch DT: Diện tích	

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 8763,86 ha)

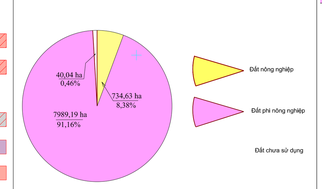

KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
		Địa giới hành chính cấp huyện
		Địa giới hành chính cấp xã
		Trụ sở UBND cấp tỉnh
		Trụ sở UBND cấp huyện
		Trụ sở UBND cấp xã
		Đình, chùa, miếu, đền
		Nhà thờ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đường sắt
		Quốc lộ

KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
Đường tỉnh	Đường tỉnh	Đường tỉnh
		Đường huyện
		Đường liên xã
		Đường thôn, xóm, khu phố, đất nhỏ
		Đường hẩm
		Đê
		Cầu
		Cầu vượt
		Cống
		Sông, suối, ao, hồ
		Kênh, mương
		Đập
116	116	Bình độ, ghi chú cao bình độ. Điểm độ cao, ghi chú độ cao

UBND TỈNH HÀ NAM	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NAM	UBND THÀNH PHỐ PHỦ LÝ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Hà Nam, ngày tháng năm 2021	*Hà Nam, ngày tháng năm 2021*	*Phủ Lý, ngày tháng năm 2021*	*Phủ Lý, ngày tháng năm 2021*

NGUỒN TÀI LIỆU:
- Bản đồ địa chính
- Bản đồ HTSDĐ năm 2019
- Kết quả điều tra HTSDĐ năm 2020
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất năm 2010-2020
- BĐĐCQH sử dụng đất đến năm 2020

TỶ LỆ 1: 10 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hà Nam